TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2019
V/v tranh chấp: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường P, tổ 1, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đường P, tổ 1, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2019, Biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Trần Văn H tự nguyện cùng chung sống từ năm 1995, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình ông bà chung sống trong thời gian từ năm 1995 đến năm 2012 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do giữa ông bà không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong xây dựng hạnh phúc

gia đình; có nhiều khác biệt về tính cách và quan điểm sống; ông H có quan hệ với người phụ nữ khác nên ông bà thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Từ năm 2012, ông bà chấm dứt cuộc sống chung, mỗi người tự lo cuộc sống riêng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Nay bà xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Văn H.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Trần Thị D, sinh ngày 23/9/1994, Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005. Hiện nay cháu Trần Thị D đã trưởng thành nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi cháu D. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005 cho đến khi các cháu thành niên; bà không yêu cầu ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2019, bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T quen biết vào năm 1993 đến năm 1995 cùng chung sống, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình ông bà chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai bên tính cách không hợp, khác quan điểm sống, không thể hòa hợp với nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình, thường xuyên cãi vã, không có sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau nên đến năm 2012 ông bà chấm dứt cuộc sống chung mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Nay ông xác định mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên ông đồng ý yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Trần Thị D, sinh ngày 23/9/1994, Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005. Hiện nay cháu Trần Thị D đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi cháu D và ông đồng ý giao bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005 cho đến khi các cháu thành niên; ông không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Văn H. Về con chung giao bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005 cho đến khi các con chung thành niên; bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định đây là vụ án *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Trần Văn H theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Trần Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H tự nguyện cùng chung sống với nhau từ năm 1995, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình, có nhiều khác biệt về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xung đột; ông bà chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2012 cho đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Xét thấy theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H không được pháp luật công nhận là

vợ chồng, do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H.

[3] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Trần Thị D, sinh ngày 23/9/1994; Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005. Hiện nay cháu Trần Thị D đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi cháu D. Hiện nay các con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cũng đồng ý giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con chung thành niên. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, việc thỏa thuận nuôi con chung giữa các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật; để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005 cho đến khi các con chung thành niên. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, 14, 71; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H.

2. Về con chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 14/5/2002 và Trần Thị H, sinh ngày 30/8/2005 cho đến khi các con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/0006721 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Nguyễn Thị T nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hạnh